

Bản án số: **313/2024/HSST**
Ngày 06 tháng 12 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B**

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**

- Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Lê Thị Hạnh**

2. Ông Nguyễn Minh Tuấn

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* **Bà Đỗ Thùy Trang** – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên Tòa:* **Bà Nguyễn Thị Huyền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 251/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Vũ Tiến H, sinh năm 1963; HKTT: Không có hộ khẩu thường trú; Chỗ ở hiện tại: Số nhà 117 ngõ 88 T, V, Đ, H1; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 08/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên bố: Vũ Tiến T1 (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T2 (đã chết); Tiền án, tiền sự: 10 tiền án. Theo danh chỉ bản số: 443 do Công an quận Bắc Từ Liêm lập ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Tiền án:

- Bản án số 76/HSST ngày 12/4/1989 của Tòa án nhân dân thành phố H1 xử phạt 02 năm tù về tội: “ Trộm cắp tài sản” 01 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Tổng hợp hình phạt là 3 năm tù.

- Bản án số 216 ngày 22/5/1990 của Toà án nhân dân thành phố H2 xử phạt 30 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản công dân”, 18 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Cộng với hình phạt chưa thi hành tại bản án số 76/HSST ngày 12/4/1989 của Tòa án nhân dân TP H1, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù.

- Bản án số 299/HSST ngày 11/6/1992 của Tòa án nhân dân thành phố H1 xử phạt 06 năm tù về tội Trộm cắp tài sản công dân; 03 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Tổng hợp hình phạt là 9 năm tù. Cộng với hình phạt chưa thi hành số 216 của Toà án nhân dân thành phố H2, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 14 năm 05

tháng 22 ngày.

- Bản án số 02/HSST ngày 01/7/1993 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh V xử phạt 04 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Cộng với 14 năm 05 tháng 20 ngày chưa thi hành bản án số 299/HSST ngày 11/6/1992 của Tòa án nhân dân TP H, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 18 năm 05 tháng 22 ngày.

- Bản án số 48 ngày 08/5/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh P xử phạt 04 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Cộng với 13 năm 01 tháng 17 ngày chưa thi hành tại bản án số 02/HSST ngày 01/7/1993 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh V, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 17 năm 01 tháng 01 ngày.

- Bản án số 273 ngày 18/12/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 06 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Cộng với 15 năm 8 tháng 23 ngày chưa thi hành tại bản án số 48 ngày 08/5/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh P, buộc phải chấp hành hình phạt chung 20 năm.

- Bản án số 04 ngày 19/01/2000 của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh T1 xử phạt 04 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Cộng với 18 năm 04 tháng 20 ngày chưa thi hành tại Bản án số 273 ngày 18/12/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh T1, buộc phải chấp hành hình phạt chung 20 năm. Chấp hành xong hình phạt ngày 01/10/2019. (chưa được xoá án tích)

- Bản án số 10 ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân quận T2 xử phạt 26 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt ngày 01/9/2023. (Chưa được xoá án tích).

*** Nhân thân:**

- Bản án số 262/HSPT ngày 12/9/1980 của Tòa án nhân dân TP H1 xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 tháng về tội: “ Trộm cắp tài sản Xã hội chủ nghĩa”.

- Bản án số 176/HSST ngày 18/12/1981 của Tòa án nhân dân quận B, H1 xử phạt 14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản Xã hội chủ nghĩa. Tổng hợp với hình phạt của bản án số 262 ngày 12/9/1980 là 23 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 04/01/1983. Biên bản xác minh hình phạt phụ và án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B thể hiện: Tháng 7/1993, Chi cục Thi hành án dân sự quận B mới được thành lập nên không có căn cứ để trả lời việc thi hành án phí của các bản án trước đó.

Bị can bị bắt quả tang ngày 25/7/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H1; Có mặt tại phiên Tòa.

***Người bị hại: Chị Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 1 ngõ 301 đường X, phường X, B, thành phố H1

(Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h45 ngày 25/7/2024, tổ công tác Công an phường X, quận B, H1 trong khi làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát phòng chống tội phạm trên địa bàn đã bắt giữ Vũ Tiến H tại trước cửa chung cư C1, đường X khi H đang bị quần chúng nhân dân đuổi bắt về hành vi trộm cắp điện thoại của chị Phạm Thị Thu T tại số nhà 301 đường X, phường X, quận B, H1.

Vật chứng thu giữ của gồm :

- 01 điện thoại di động OPPO màu xanh có vỏ ốp màu trắng, phía trong ốp điện thoại có tờ tiền Polime mệnh giá 20.000 đồng (*do chị Phạm Thị Thu T giao nộp*).

- 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 12 Promax màu xanh (*thu giữ của Vũ Tiến H*).

Kết luận định giá tài sản số 595 ngày 23/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận B kết luận: Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO ASS màu xanh, kiểu máy: QH1912RAM300G đã qua sử dụng có trị giá **980.000 đồng**.

Quá trình điều tra xác định:

Vũ Tiến H mới ra tù vào ngày 01/9/2023 về tội Trộm cắp tài sản. Do không có công việc làm nên khoảng 16 giờ 30 phút ngày 25/7/2024, Hùng đi bộ lang thang trên đường X, quận B, H1 để tìm việc làm. Khi đi đến hàng bán rau của chị Phạm Thị Thu T tại trước cửa số nhà 301 đường X, H thấy chị T đang đứng bán hàng cho khách, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh của chị T để trên sạp rau phía sau lưng chị T nên nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại. Lợi dụng lúc chị T không để ý, H đi vòng ra phía sau lưng chị T nhanh chóng dùng tay trộm cắp điện thoại rồi bỏ đi về hướng cổng chợ X. Khi H vừa bỏ đi được khoảng 5m thì chị T phát hiện điện thoại bị trộm cắp nên đã hô “cướp” và đuổi theo H. H bỏ chạy và vớt lại điện thoại ở trước cổng nhà văn hoá tổ dân phố T 5. Hùng tiếp tục chạy thêm một đoạn nữa thì bị tổ công tác công an phường X cùng quần chúng nhân dân bắt giữ tại trước cửa chung cư C1, đường X. Chị T khi đuổi theo H thấy H vớt lại điện thoại thì không đuổi nữa mà nhặt điện thoại quay lại cửa hàng. Sau đó chị T nghe tin H đã bị bắt giữ nên đến công an phường X giao nộp chiếc điện thoại bị H trộm cắp.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Tiến H khai nhận hành vi của mình như trên.

Đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của Vũ Tiến H và chị Phạm Thị Thu T trong đó có một chiếc H trộm cắp của chị T và một chiếc H khai là tài sản cá nhân của H hiện thu giữ theo hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 243/CT-VKS ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận B quyết định truy tố bị cáo Vũ Tiến H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai lý do mình vi phạm pháp luật là do bản thân sau khi đi chấp hành án tại trại giam về địa phương không được nhập hộ khẩu nên không xin đi làm được và phải sống nương nhờ vào các anh chị em trong gia đình, và cũng chính vì vậy mà bị cáo cũng không đi đăng ký kết hôn được. Bị cáo có nhân thân không tốt nên không xin được việc làm và vì anh em kiến giả nhất phận, cũng không thể nhờ vả mãi được nên bị cáo đi lang thang các chợ để xin việc làm thuê bốc vác thuê. Ngày 25/7/2024, bị cáo đến chợ X cũng với mục đích kiếm việc làm, nhưng không có ai thuê, khi đi đến cửa hàng bán rau của chị T nhìn thấy chị T để điện thoại trên bàn phía sau chỗ chị đứng, bị cáo mới nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, sau đó chị T phát hiện hô hoán nên bị cáo đã vứt trả điện thoại cho chị.

- Bị cáo thấy rằng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp lẽ ra chỉ bị truy tố tại khoản 1 điều 173 như theo bản kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra- công an quận B là đúng, còn bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận B lại truy tố bị cáo ở điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự là oan sai đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

- Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo chiếc 01 điện thoại đi động kiểu dáng Iphone 12 Promax màu xanh vì đó là tài sản mà bị cáo vừa được vợ bị cáo (người yêu) tặng cho nên đây là vật kỷ niệm.

- Bị hại có đơn xin vắng mặt và không có yêu cầu bồi thường về dân sự

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận B sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 47, điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015; đề nghị tuyên phạt bị cáo mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù; Bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt tiền;

* Về trách nhiệm Dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xem xét;

* Về vật chứng: -Trả lại cho người bị hại chiếc điện thoại di động OPPO màu xanh có vỏ ốp màu trắng và số tiền 20.000 đồng

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại đi động kiểu dáng Iphone 12 Promax màu xanh thu giữ của bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội

- Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm

- Bị cáo; người bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

- Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra thu thập được, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 25/7/2024, Vũ Tiến H đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc điện thoại OPPO màu xanh giá 980.000 đồng tài sản cùng 20.000 đồng để ở trong ốp điện thoại của của chị Phạm Thị Thu T tại cửa hàng bán rau của chị T ở số 301 đường X, X, B, H1 thì bị bắt quả tang cùng vật chứng. Bản thân Hùng đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên Hành vi của bị cáo Vũ Tiến H1 đã đủ cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Trong vụ án này bị cáo lợi dụng sơ hở của người bị hại, để lén lút trộm cắp tài sản của họ, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến an toàn xã hội.

[4]. Xét nhân thân của bị cáo: Từ năm 1981 đến năm 2022, bị cáo đã 10 tiền án về các tội: “ Trộm cắp tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam”, trong đó có 02 tiền án đã được xóa, các tiền án còn lại chưa được xóa. Hành vi phạm tội lần này của bị cáo là trộm cắp chiếc điện thoại có trị giá là 980.000 đồng và 20.000 đồng tiền mặt, tuy chưa đủ định lượng nhưng do nhân thân của bị cáo đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên đây là tình tiết định tội đối với bị cáo. Ngoài tiền án về tội “ Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích bị cáo còn có tiền án về tội: “Trốn khỏi nơi giam” chưa được xóa án tích, do vậy tiền án này được xác định là định khung đối với bị cáo. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân quận B truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng với quy định của pháp luật. Việc bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử thấy xem xét lại khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Qua xem xét về nhân thân bị cáo cho thấy bị cáo đã được pháp luật giáo dục nhiều lần nhưng không sửa đổi bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và mang tính răn đe, phòng ngừa chung.

[5]. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét tại Cơ quan điều tra và tại phiên Tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, tài sản do bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả cho người bị hại nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Theo quy định thì ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về vật chứng: Trả lại cho người bị hại chiếc điện thoại di động OPPO màu xanh có vỏ ốp màu trắng và 20.000 đồng, đây là tài sản hợp pháp của người bị hại.

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 12 Promax màu xanh thu giữ của bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội

[9]. Về án phí HSST: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Tiến H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 47 ; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: **Vũ Tiến H 26 (Hai mươi sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/7/2024.

3. Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường về dân sự, nên không xem xét.

4. Về vật chứng:

- Trả lại cho người bị hại: Chị Phạm Thị Thu T chiếc điện thoại di động OPPO màu xanh có vỏ ốp màu trắng, không kiểm tra chất lượng bên trong và số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) ghi trong phiếu ủy nhiệm chi.

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 12 Promax màu xanh, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Hiện vật chứng trên, Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số: 11/25 ngày 16/10/2024.

5. Về án phí HSST: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

NOI NHÂN:

- TAND thành phố H1;
- VKSND quận B;
- Công an quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang

